

Số: 426 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025  
theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 233/STC-NSNN ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc kết quả tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ là 112.348 triệu đồng, cụ thể:

1. Các khoản chi từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo quy định của pháp luật phí, lệ phí: 798 triệu đồng.

2. Các khoản chi từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác được để lại theo chế độ: 25.132 triệu đồng.

3. Các khoản chi thường xuyên: 86.418 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)*

**Điều 2. Trách nhiệm thực hiện**

1. Giao Giám đốc Sở Tài chính thông báo số tiết kiệm, cắt giảm chi tiết đến các cơ quan, đơn vị khối tỉnh, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng số cắt giảm, tiết kiệm theo quy định.

2. Giao Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII kiểm soát chi theo quy định.

3. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị khối tỉnh thực hiện số cắt giảm, tiết kiệm của đơn vị, chủ động phân bổ nguồn lực ngân sách còn lại để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XVII và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.(01bac)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Tấn Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Phụ lục I

**Số tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025 của các cơ quan, đơn vị khối tỉnh theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ**

(Kèm theo Quyết định số 426 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đvt: Triệu đồng

| STT | Đơn vị                                    | Nguồn thu phí | Nguồn thu sự nghiệp | Nguồn chi thường xuyên | Tổng           |
|-----|-------------------------------------------|---------------|---------------------|------------------------|----------------|
| A   | B                                         | 1             | 2                   | 3                      | 4=1+2+3        |
|     | <b>Tổng</b>                               | <b>798</b>    | <b>25,132</b>       | <b>86,418</b>          | <b>112,348</b> |
| 1   | Văn phòng Tỉnh ủy                         |               |                     | 4,389                  | 4,389          |
| 2   | Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai    | -             | 104                 | -                      | 104            |
| 3   | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai         | -             | 186                 | -                      | 186            |
| 4   | Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai             | -             | 257                 | 84                     | 342            |
| 5   | Trường Đại học Đồng Nai                   | -             | 1,137               | -                      | 1,137          |
| 6   | Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm        | -             | 290                 | 20                     | 310            |
| 7   | Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai            | -             | -                   | 228                    | 228            |
| 8   | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh            | -             | -                   | 6,541                  | 6,541          |
| 9   | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh                   | -             | -                   | 2,116                  | 2,116          |
| 10  | Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai    | -             | -                   | 10,184                 | 10,184         |
| 11  | Sở Khoa học công nghệ                     | 38            | -                   | 9,867                  | 9,905          |
| 12  | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh          | -             | -                   | 1,470                  | 1,470          |
| 13  | Sở Công thương                            | 10            | -                   | 1,452                  | 1,462          |
| 14  | Sở Y tế                                   | 39            | 18,613              | 8,474                  | 27,126         |
| 15  | Tỉnh đoàn                                 | -             | 217                 | 1,240                  | 1,457          |
| 16  | Hội Sinh viên                             | -             | -                   | 131                    | 131            |
| 17  | Hội Người cao tuổi                        | -             | -                   | 95                     | 95             |
| 18  | Thanh tra tỉnh                            | -             | -                   | 613                    | 613            |
| 19  | Hội nạn nhân chất độc da cam /dioxin      | -             | -                   | 58                     | 58             |
| 20  | Hội khuyến học                            | -             | -                   | 110                    | 110            |
| 21  | Hội liên hiệp phụ nữ                      | -             | -                   | 623                    | 623            |
| 22  | Hội cựu chiến binh                        | -             | -                   | 159                    | 159            |
| 23  | Hội chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày | -             | -                   | 42                     | 42             |
| 24  | Hội Cựu Thanh niên xung phong             | -             | -                   | 115                    | 115            |
| 25  | Hội Luật gia                              | -             | -                   | 37                     | 37             |
| 26  | Quan hệ khác (Đoàn Luật sư)               | -             | -                   | 15                     | 15             |
| 27  | Sở Nội vụ                                 | -             | -                   | 2,412                  | 2,412          |
| 28  | Sở Giáo dục và Đào tạo                    | -             | -                   | 14,214                 | 14,214         |
| 29  | Liên hiệp các tổ chức hữu nghị            | -             | -                   | 1,149                  | 1,149          |
| 30  | Liên hiệp các Hội KHKT                    | -             | -                   | 523                    | 523            |
| 31  | Sở Dân tộc và Tôn giáo                    | -             | -                   | 925                    | 925            |
| 32  | Hội Nhà báo                               | -             | -                   | 59                     | 59             |
| 33  | Hội Văn học nghệ thuật                    | -             | -                   | 970                    | 970            |
| 34  | Ban Quản lý khu dự trữ sinh quyển         | -             | -                   | 269                    | 269            |
| 35  | Sở Nông nghiệp và Môi trường              | 440           | 2,775               | 5,657                  | 8,872          |
| 36  | Liên minh Hợp tác xã                      | -             | -                   | 608                    | 608            |

| STT      | Đơn vị                                     | Nguồn thu phí | Nguồn thu sự nghiệp | Nguồn chi thường xuyên | Tổng           |
|----------|--------------------------------------------|---------------|---------------------|------------------------|----------------|
| <i>A</i> | <i>B</i>                                   | <i>1</i>      | <i>2</i>            | <i>3</i>               | <i>4=1+2+3</i> |
| 37       | Ban Quản lý các Khu công nghiệp            | -             | -                   | 1,813                  | 1,813          |
| 38       | Hội Nông dân                               | -             | -                   | 146                    | 146            |
| 39       | Hội Chữ thập đỏ                            | -             | -                   | 267                    | 267            |
| 40       | Hội Người mù                               | -             | -                   | 63                     | 63             |
| 41       | Ban Quản lý Khu Công nghệ cao CNSH         | -             | -                   | 480                    | 480            |
| 42       | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch            | -             | 50                  | 3,718                  | 3,768          |
| 43       | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam           | -             | -                   | 358                    | 358            |
| 44       | Sở Tư pháp                                 | 267           | 8                   | 465                    | 740            |
| 45       | Sở Xây dựng                                | -             | -                   | 808                    | 808            |
| 46       | Sở Tài chính                               | 5             | -                   | 992                    | 997            |
| 47       | Khu bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai | -             | 1,495               | 2,460                  | 3,955          |